BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU MẠNG LƯỚI ĐIỆN THOẠI Ở BẮC KỲ TRƯỚC NĂM 1930

TRƯƠNG THỊ HẢI*

Bắc Kỳ có vị trí chiến lược quan trọng, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, dân cư đông đúc, có các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy thuận lợi, nhất là tuyến đường thủy chạy dọc theo sông Hồng, ngược lên phía Bắc là bàn đạp thuận lợi để thực dân Pháp có thể tiến sâu vào khu vực phía Nam Trung Quốc. Vị thế của Bắc Kỳ có ý nghĩa rất quan trọng, là vấn đề sống còn đối với sự thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Ngoài những biện pháp chung về tổ chức bộ máy chính quyền và hành chính, thông tin liên lạc là công cụ quan trọng, là biện pháp chuyên biệt nhằm tạo điều kiện chuẩn bị cho giao thương và góp phần thúc đẩy quá trình xâm chiếm cũng như bình định của thực dân Pháp. Trong hệ thống thông tin liên lạc, điện thoại ra đời muộn hơn so với điện tín hay bưu điện, nhưng lại có ưu thế là nhanh chóng và thuận tiện, không chỉ đáp ứng những yêu cầu về quân sự, mà còn là một trong những công cụ quan trọng thúc đẩy quá trình khai thác thuộc địa, mang lại doanh thu nhất định cho thực dân Pháp.

Từ trước đến nay, những nghiên cứu về chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc đã thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước, nhưng hầu như chưa có công trình hay bài viết nào đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về mạng lưới điện thoại ở Bắc Kỳ. Với bài viết này, chúng tôi mong muốn góp phần tìm hiểu, làm rõ hơn về thực trạng của mạng lưới điện thoại ở Bắc Kỳ giai đoạn 1925 - 1929 trên các khía cạnh: mạng lưới ở vùng đồng bằng và vùng cao, số lượng thuê bao, những quy định đối với việc sử dụng, lắp đặt điện thoại công và tư nhân ở Bắc Kỳ.

1. Mạng lưới điện thoại ở vùng đồng bằng và vùng cao Bắc Kỳ

Trong báo cáo đầu tiên gửi về Bộ Thuộc địa ngày 22-3-1897, Toàn quyền Đông Dương Paul Domer đã chỉ ra những thiếu sót cơ bản về tổ chức trong xứ bảo hộ như sau: Chính phủ toàn quyền "gần như không có", các cơ quan chính yếu để cấu thành nên Chính phủ theo đúng nghĩa cũng thiếu và những công cụ cần thiết cho sự khai thác kinh tế hoàn toàn không có. Một trong những nhiệm vụ cần được "cải tổ" đó chính là tạo lập các cơ quan trung ương như Hành chính (Nội Vụ), Tài Chính và Thanh tra Tài Chính, Hải Quan và Quản Lý… Bưu chính cũng là một trong những cơ quan cần được cơ cấu tổ chức lại (1). Tại Nghị định ngày 14-11-1901, Toàn

*ThS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

quyền Đông Dương đã ban hành quy định cơ cấu tổ chức của Sở Bưu điện và Điện báo Đông Dương, nhưng cũng phải đến 2 năm sau, ngày 5-5-1903, Nghị định về việc thành lập mạng lưới điện thoại tại Bắc Kỳ mới được ban hành (2). Điều đó có nghĩa là so với điện báo và bưu điện, điện thoại ra đời muộn hơn, nhưng đã nhanh chóng mở rộng phạm vi phủ sóng ở cả đồng bằng và vùng cao.

Mạng lưới điện thoại ở vùng đồng bằng

Việc thiết lập và sử dụng đường dây điện thoại mang tính chất độc quyền thuộc về Sở Bưu điện được quy định từ Sắc lệnh ngày 28 - 7 - 1885, sắc lệnh này yêu cầu các viên chức phụ trách thiết lập đường dây điện thoại chỉ thâm nhập vào các khu vực tư nhân khi được sự đồng ý bằng nghị định của Toàn quyền Đông Dương, Toàn quyền cũng là người ấn định các tuyến điện thoại sau khi có kết quả điều tra khảo sát. Quyền sử dụng đường dây điện thoại trước hết thuộc về chính quyền và các công chức, sau đó mới đến công chúng. Vì vậy, Toàn quyền có thể đình chỉ liên lạc điện thoại tư nhân để ưu tiên các dịch vụ công. Tuy nhiên, độc quyền đường dây điện thoại không mang tính chất tuyệt đối như với việc vận chuyển thư tín (3).

Nghị định ngày 10-3 - 1928 quy định các đường dây điện thoại có thể nhượng cho các cá nhân theo Nghị định của Toàn quyền ban hành trên cơ sở đề nghị của Giám đốc bưu điện. Sở Bưu điện kiểm soát những đường dây điện thoại này, chúng được chia thành 2 loại: đường dây điện thoại kết nối một cơ sở tư nhân với mạng lưới thuộc địa và đường dây điện thoại kết nối các cơ sở tư nhân với nhau. Loại đường dây thứ nhất vẫn thuộc sở hữu của thuộc địa, do Sở Bưu điện xây dựng và bảo trì, nhưng các bên được nhượng quyền khai thác phải đóng góp chi phí theo các mức giá khác nhau, chi phí xây dựng từ 14 đến 60 đồng Đông Dương trên 100 mét dây tùy theo đường dây trên không hay chạy ngầm, dây đơn hay dây kép, trụ sắt hay trụ gỗ; chi phí bảo trì từ 0,75 đồng đến 6 đồng/100 mét dây theo các loại như trên. Các đường dây loại 2 có thể do bên được nhượng quyền xây dựng, bảo trì và thuộc sở hữu của bên được nhượng quyền, kể cả khi bên được nhượng quyền đề nghị Sở Bưu điện xây dựng và bảo trì đường dây đó (trong trường hợp này bên được nhượng quyền phải hoàn trả toàn bộ chi phí xây dựng và bảo trì cộng thêm 25% chi phí chung) nhưng trong mọi trường hợp, bên được nhượng quyền phải đóng phí sử dụng hàng năm với tỷ lệ 6 đồng trên mỗi km dây và 6 đồng trên mỗi trạm truyền phát trừ trạm truyền phát, ở hai đầu dây (4).

Tại các tỉnh, thành ở Bắc Kỳ đã hình thành các trạm bưu điện là một trong những công cụ quan trọng của nền đô hộ Pháp. Tại tỉnh lỵ, sau quan Thống sứ và Tổng đốc, viên Chủ sự bưu điện và điện báo là người có quyền hành trong phụ trách quản lý xây dựng và khai thác mạng lưới điện thoại. Mạng lưới điện thoại ở vùng đồng bằng chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền dân sự, các tuyến điện thoại được thành lập trước hết ở các các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, sau đó nhanh chóng mở rộng ra các tỉnh, thành khác như: Phủ Lạng Thương, Sơn Tây, Phú Thọ, Hòn Gai, Đồ Sơn, Tam Đảo, Vĩnh Yên, Quảng Yên, Bắc Ninh, Đáp Cầu, Mạo Khê... (5). Các cuộc gọi được thực hiện trong tỉnh gọi là tuyến điện thoại đô thị, các cuộc gọi điện thoại ra ngoài phạm vi tỉnh gọi là tuyến liên đô thị.

Mạng lưới điện thoại ở 5 kỳ thuộc xứ Đông Dương (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao) đều được đồng nhất cách thức xây dựng ở 3 vị trí trên không, ngầm và dưới sông, bao gồm tuyến điện thoại đô thị và tuyến điện thoại liên đô thị. Cả hai tuyến này đều có vai trò quan trọng trong việc kết nối liên lạc trong tỉnh và ngoài tỉnh. Trong đó, tuyến điện thoại liên đô thị phục vụ công chúng không ngừng được mở rộng trên các địa bàn Hà Nội-Hải Dương; Hải Phòng-Đồ Sơn; Hà Nội-Phủ Lý-Nam Định-Ninh Bình-Thanh Hóa; Hà Nội-Phúc Yên-Vĩnh Yên-Việt Trì-Phú Thọ; Hà Nội-Đáp Cầu-Bắc Ninh-Phủ Lạng Thương-Lạng Sơn; Hà Nội-Hà Đông; Hà Nội-Sơn Tây; Hà Nội-Bần Yên Nhân-Hưng Yên; Nam Định-Thái Bình; Hải Phòng-Quảng Yên-Mạo Khê-Uông Bí-Hòn Gai-Hoành Sơn; Hải Phòng-Kiến An-Hàng Kênh; Hải Dương-Ninh Giang; Vĩnh Yên-Tam Đảo; Lào Cai-Sa Pa (6).

Trong các báo cáo gửi lên Toàn quyền Đông Dương của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ trong các năm 1924-1925, 1926-1927, 1928-1929 cho biết: ở Bắc Kỳ có 748km tuyến điện thoại liên đô thị, tương ứng với 2.638km đường dây. Các thuê bao ở các mạng lưới khác nhau được nối với trung tâm điện thoại tương ứng 430km đường liên lạc trên không tương đương 860km dây và 189km cáp ngầm tương đương 6.831km dây. Năm 1927 là 3.119km đường dây điện thoại trên không; 165,4km đường dây điện thoại dưới ngầm và 12km đường dây điện thoại dưới sông, với tổng chiều dài tính đến năm 1929 là 1.235,05km, trong đó mạng lưới điện thoại trên không là 845,7km, mạng lưới điện thoại dưới ngầm là 387,35 km và dưới sông là 2km (7).

Mạng lưới điện thoại ở vùng cao Bắc Kỳ

Mạng lưới điện thoại ở vùng cao Bắc Kỳ được xây dựng đồng thời với mạng lưới điện thoại ở vùng đồng bằng, nhằm mục đích tăng cường khả năng kiểm soát các hoạt động quân sự trong các Đạo Quan binh ở các vùng cao như: Bắc Quang, Pa Kha, Bắc Mê, Na Sầm, Nguyên Bình, Thán Phún, Hoàng Su Phì, Yên Minh, Đông Khê, Ngân Sơn, Đình Lập, Lộc Bình, Mũi Ngọc, Quản Bạ, Quảng Uyên, Trùng Khánh Phủ và Đồng Văn. Điện thoại ở các vùng này chịu sự quản lý của chính quyền quân sự bởi các vấn đề liên quan đến an ninh.

Bảng 1: Mức độ khẩn cấp của việc chuyển giao các tuyến điện thoại quân sự vùng cao tại các tỉnh Bắc Kỳ năm 1907 (8)

Thượng khẩn	
Bắc Quang (Hà Giang)	Xã Yên Bình (Yên Bái)
Pa Kha (Lào Cai)	Yên Minh (Hà Giang)
Bắc Mê (Hà Giang)	Phố Bình Gia (Lạng Sơn)
	Đông Khê (Cao Bằng)
Khẩn mức độ 1	
Pha Luôn (Sơn La)	Chợ Rã (Bắc Cạn)
Mường Khương (Lào Cai)	
Bát Xát (Lào Cai)	
Phong Thổ (Lai Châu)	
Khẩn mức độ 2	
Na Sầm (Lạng Sơn)	Đình Lập (Lạng Sơn)
	Lộc Bình (Lạng Sơn)
	Mũi Ngọc (Quảng Ninh)
	Quản Bạ (Hà Giang)
Khẩn mức độ 3	
Nguyên Bình (Cao Bằng)	Quảng Uyên (Quảng Ninh)
Sóc Giang (Cao Bằng)	Trùng Khánh (Trung Quốc)
Hạ Lang (Cao Bằng)	
Tà Lùng (Cao Bằng)	
Khẩn mức độ 4	
Pho Bang	Đồng Văn (Hà Giang)
Bình Liêu (Quảng Ninh)	
Xín Mần (Hà Giang)	
Hoàng Su Phì (Hà Giang)	

Năm 1907, sau quá trình hoạt động của các tuyến điện thoại đã khá ổn định, Thống sứ Bắc Kỳ đã đề xuất với Toàn quyền Đông Dương về việc chuyển giao các tuyến điện thoại ở các vùng trên cho chính quyền dân sự quản lý dựa trên 3 cơ sở: *một là* các nguồn lực để đảm bảo hoạt động của các tuyến điện thoại sẽ bàn giao cho chính quyền dân sự; *hai là* các khoản chi mà chính quyền dân sự phải gánh vác; *ba là* mức độ khẩn cấp của các hạng mục (9). Sở Bưu điện và Điện báo sẽ lần lượt chuyển giao theo mức độ khẩn cấp được đưa ra trên cơ sở phù hợp với quá trình rút lui của các phân đội vì phần lớn thành viên các phân đội này là điện báo viên quân sự. Mức độ khẩn cấp của việc chuyển giao này được phân theo 5 cấp độ (*xem bảng 1*).

Mức độ khẩn cấp ở từng vùng đã được phân loại cụ thể tạo thuận lợi để tiến hành chuyển giao quản lý và chi phí hầu hết từ ngân sách Liên bang. Để tiết kiệm về mặt nhân sự, điện thoại được lắp đặt tại các bốt kết nối trực tiếp với trung tâm và do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của các tuyến lớn trong mạng lưới. Kinh phí cho quá trình chuyển giao này được phân bổ như sau:

Ngân sách Liên bang phụ trách công việc bảo trì, các tuyến Cao Bằng và Hà Giang, Tuyến Phố Lu được giữ lại để dự phòng trong trường hợp tuyến từ Hà Nội lên các tuyến vùng cao bị gián đoạn. Ngược lại, ngân sách cấp Kỳ hoặc ngân sách cấp tỉnh phụ trách bảo trì các bưu cục nối liền các bốt an ninh nội địa với trung tâm. Các bốt này đóng vai trò như các đồn cảnh sát và theo dõi trong tỉnh. Theo bộ phận kỹ thuật, chi phí bảo trì và hoạt động của các tuyến điện thoại ước tính là 8 đồng/km dây và 1.000 đồng/bốt điện thoại. Do vậy, hoạt động của tuyến Cao Bằng, Hà Giang, Phố Lu tiêu tốn 11.200 đồng còn hoạt động của mạng lưới đường dây và bưu cục biên giới cũng tốn của ngân sách Liên bang 22.376 đồng (10).

2. Số lượng thuê bao điện thoại ở Bắc Kỳ

Do nhu cầu và những tiện ích của điện thoại mang lại, cùng với việc mở rộng mạng lưới cả đô thị và liên đô thị nên số lượng đăng ký thuê bao ở Bắc Kỳ cũng không ngừng tăng lên. Trong báo cáo về dịch vụ bưu điện và điện báo Bắc Kỳ năm 1924 - 1925 cho biết số lượng thuê bao như bảng 2.

Tổng số thuê bao trong năm 1924 và năm 1925 là 1.036, trong đó Hà Nội đạt mức cao nhất 493 thuê bao, chiếm 48%, đứng thứ hai là Hải Phòng 363 thuê bao, chiếm 35%, Uông Bí là địa bàn chỉ có 2 thuê bao. Với 1.036 thuê bao trên, mức tổng doanh thu đạt 109,474 đồng Đông Dương. Năm 1929 số lượng thuê bao điện thoại có sự thay đổi

Bảng 2: Số lượng thuê bao điện thoại tại một số tỉnh ở Bắc Kỳ từ năm 1924 đến năm 1925 (11)

Địa bàn	Số thuê bao năm 1924	Số thuê bao năm 1925	Tổng số thuê bao
Hà Nội	400	93	493
Hải Phòng	302	61	363
Hải Dương	21	3	21
Nam Định	48	15	63
Đồ Sơn	18		18
Tam Đảo	10	4	14
Vĩnh Yên	1	2	3
Quảng Yên	8	1	9
Uông Bí	2		2
Mạo Khê	1	1	2
Bắc Ninh	0	9	9
Hà Đông	5	2	7
Đáp Cầu	1	15	16
Phủ Lạng Thương	0	13	13
Tổng	817	219	1036

trong đó đã lắp đặt 356 thuê bao chính mới, 184 thuê bao phụ mới, dời 120 thuê bao chính, dời 36 thuê bao phụ, hủy 129 thuê bao chính, hủy 20 thuê bao phụ, thay đổi 20 thuê bao. Việc phân bổ thuê bao mới được ưu tiên tại các trung tâm lớn như Hà Nội có 95 thuê bao chính và 73 thuê bao phụ trong tổng số 778 thuê bao chính và 353 thuê bao phụ trên toàn Đông Dương (12).

Các cuộc gọi điện thoại

Sự gia tăng số lượng thuê bao cũng ảnh hưởng đến số lượng các cuộc gọi điện thoại, thông thường các cuộc gọi tăng lên tỷ lệ thuận với số lượng thuê bao. Trong báo cáo của Thống sứ Bắc Kỳ về dịch vụ bưu chính cho thấy các cuộc gọi đã được thực hiện trong năm 1928 là 6.685.743 đối với tuyến đô thị và 910.944 đối với tuyến liên đô thị, tổng cộng 7.596.687 cuộc gọi so với 5.282.917 năm 1927, tăng 44% (13).

Doanh thu từ điện thoại

Mức doanh thu từ điện thoại phụ thuộc vào số lượng thuê bao chính, thuê bao phụ ở cả tuyến đô thị và tuyến liên đô thị. Doanh thu giai đoạn này đối với liên lạc đô thị là 5.177,40 đồng và 166.897,64 đồng đối với liên lạc liên đô thị. Doanh thu từ thuê bao là 280.738,61 đồng (14).

Mạng lưới điện thoại ở Bắc Kỳ dù ở đồng bằng hay vùng cao đều nhằm đáp ứng nhu cầu quân sự, chính trị và kinh tế của thực dân Pháp. Ở các vùng đồng bằng mạng lưới đô thị và liên đô thị nhanh chóng mở rộng phạm vi phủ sóng với số lượng thuê bao, số lượng các cuộc gọi ngày càng tăng, một phần cho sự gia tăng này là do thực dân Pháp đã điều chỉnh giá cước giảm. Tuy nhiên, doanh thu đạt được vẫn ở mức cao. Ở vùng núi, điện thoại chủ yếu phục vụ cho hoạt động quân sự nhằm kiểm soát an ninh trật tự, đàn áp, kiểm soát phong trào đấu tranh chống Pháp. Cả hai mạng lưới này đều có ảnh hưởng, tác động nhất định đến người sử dụng, điều này thể hiện ở số lượng lắp đặt thuê bao ngày càng tăng, chính vì điều đó, thực dân Pháp đã đưa ra những quy định chi tiết, cụ thể đối với từng trường hợp.

3. Quy định đối với việc lắp đặt và sử dụng thuê bao điện thoại

Ở giai đoạn đầu, điện thoại tại các nước thuộc địa chỉ phục vụ cho mục đích liên lạc trong lĩnh vực quân sự, sau đó mới chuyển hướng sang làm công cụ giúp thúc đẩy khai thác kinh tế và xã hội. Điện thoại không chỉ dành cho chính quyền mà còn mở rộng sang phục vụ dân sự, có nghĩa là nếu người dùng có nhu cầu sử dụng dịch vụ này của thực dân thì điều đó hoàn toàn cho phép. Do vậy, quá trình lắp đặt và khai thác được đảm bảo khi những quy định đã rõ ràng. Dưới đây là một số quy định của chính quyền thực dân đối với thuê bao tư và thuê bao công, quy định này được áp dụng thống nhất giữa tất cả các Kỳ của Đông Dương.

Quy định đối với thuê bao điện thoại tư nhân

Về xây dựng, khai thác đường dây và thuê bao điện thoại

Giám đốc Bưu điện và Điện báo chỉ đạo phụ trách lắp đặt và bảo trì đường dây (bao gồm đường dây chạy ngầm và đường dây trên không). Việc lắp đặt bốt điện thoại được thực hiện trên cơ sở đồng thuận với Giám đốc Nha Công chính và Hội đồng thành phố.

Thuê bao điện thoại gồm 2 loại là thuê bao chính và thuê bao phụ. Thuê bao phụ chỉ áp dụng đối với chủ sở hữu thuê bao

chính. Thuê bao chính được sử dụng một đường dây nối từ địa chỉ của chủ thuê bao tới một bưu cục trung tâm và một bốt điện thoại hoàn chỉnh. Thuê bao phụ được sử dụng một đường dây phụ đặc biệt. Đường dây này nối thuê bao phụ tới một hoặc nhiều bốt điện thoại trong cùng tòa nhà hoặc ở nhiều tòa nhà khác nhau. Một bốt điện thoại hoàn chỉnh bao gồm máy phát, máy thu tín hiệu, truyền tín hiệu và một thiết bị gọi. Chủ thuê bao hoặc người kế nhiệm có quyền liên thông với toàn bộ thuê bao trong hệ thống thông qua bốt điện thoại của mình. Quyền này chỉ áp dụng đối với chủ thuê bao, nhân viên và người ở cùng chủ thuê bao. Trên cơ sở được sự cho phép của chính quyền, trong suốt thời gian đăng ký thuê bao, chủ thuê bao có thể nhượng cho bên thứ ba các quyền đối với thuê bao chính hoặc thuê bao phụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí thuê bao trong thời hạn hợp đồng. Tên của các chủ thuê bao được đăng ký vào danh mục. Danh mục này sẽ gửi đến các chủ thuê bao (15).

Các chủ thuê bao phải thanh toán phí hư hại do sử dụng máy móc không đúng cách, trên cơ sở bảng kê khai của cơ quan có thẩm quyền. Mọi chủ thuê bao từ chối thanh toán chi phí trên sẽ lập tức bị chặn thuê bao mà không được bồi thường hay hoàn trả phí. Chủ thuê bao ấn định vị trí lắp đặt thuê bao tại nhà hoặc cơ sở khác của mình. Chủ thuê bao phải xin phép chủ tòa nhà để thực hiện các lắp đặt cần thiết và phải thanh toán các chi phí về việc lắp đặt và dỡ bỏ những thiết bị này. Khi việc lắp đặt đường dây bắt đầu hoặc đã hoàn thành, nếu muốn lắp đặt thuê bao ở một tòa nhà khác hoặc ở vị trí khác trong tòa nhà dự kiến ban đầu, chủ thuê bao phải thanh toán chi phí do việc thay đổi này gây ra.

Cấm chủ thuê bao nối dây vào các đường dây được nhượng quyền sử dụng, cấm tháo hay thay đổi vị trí dây, máy móc và phụ kiện hay bất kỳ thay đổi nào khác. Các chủ thuê bao có thể yêu cầu nhận và gửi điện tín bằng các cuộc gọi điện thoại. Để gửi điện tín bằng điện thoại, các chủ thuê bao phải đóng một khoản tạm ứng theo quy định của Giám đốc Bưu điện và Điện báo và giao cho Giám đốc một bản sao điện báo qua điện thoại trong ngày. Chính quyền được quyền thực hiện mọi thay đổi nếu cho là cần thiết đối với hoạt động của đường điện thoại (16).

Về giá cước điện thoại

Giá cước quy định đối với thuê bao chính là 150 phơ-răng/năm, thuê bao phụ là 60 phơ-răng/năm. Với các câu lạc bộ và công sở, phí thuê bao chính là 200 phơ-răng/năm và thuê bao phụ là 90 phơ-răng/năm. Các phụ kiện được lắp đặt theo yêu cầu của chủ thuê bao sẽ được tính thêm 15% phí phụ kiện trừ khi phí phụ kiện thấp hơn 5 phơ-răng. Nếu việc mở bốt bưu điện phụ kéo theo việc xây dựng một đường dây đặc biệt ngoài sơ đồ tổng thể của mạng lưới, đường dây này sẽ do chủ thuê bao lắp đặt và thuộc sở hữu của chủ thuê bao; việc bảo trì đường dây này sẽ bị tính phí 6 phơ-răng/200 mét dây đôi. Trường hợp các bốt bưu điện phụ có thể được phục vụ bằng các đường dây trong mạng lưới (cơ quan có thẩm quyền) sẽ thu mức phí ban đầu là 24 phơ-răng/200 mét dây đôi.

Phí thuê bao được nộp cho Chủ sự Bưu cục của địa phương. Số tiền này được thanh toán trước vào 2 kỳ là ngày 1 tháng 1 và ngày 1 tháng 7 hàng năm. Tuy nhiên, phí

cho nửa năm đầu tiên phải nộp ngay khi ký hợp đồng. Ngoài ra, đối với những thuê bao đăng ký trong giai đoạn từ khi chủ thuê bao có thể sử dụng bốt điện thoại cho đến nửa năm đầu tiên, số tiền này được nộp từ khi thuê bao bắt đầu vận hành (17).

Về thời hạn đối với thuê bao điện thoại

Thời hạn (hợp đồng tối thiểu) đối với thuê bao chính là 3 năm tính từ ngày 1 tháng 1 hoặc 1 tháng 7 hàng năm sau khi lắp đặt. Thời hạn đối với thuê bao phụ có thể ngắn hơn nhưng không được dưới một năm, tính từ ngày 1 tháng 1 hoặc từ ngày 1 tháng 7 hàng năm sau khi lắp đặt thuê bao phụ và không được dài hơn thời hạn hợp đồng còn lại của thuê bao chính. Sau giai đoạn đầu kéo dài 3 năm, thuê bao sẽ tự động gia hạn hàng năm nếu không có thông báo hủy của chủ thuê bao trong vòng 1 tháng trước khi hết hạn hợp đồng. Trường hợp chủ thuê bao không thanh toán tiền nửa năm theo quy định cũng như không thực hiện các quy định tại những điều trên, nhất là khi đường dây được sử dụng trong các điều kiện khác chính quyền có thể tạm thời ngắt liên lạc điện thoại. Nếu 8 ngày sau khi nhận được thư khuyến cáo của nhà chức trách về việc này mà chủ thuê bao vẫn không thanh toán tiền nửa năm hoặc tiếp tục lặp lại hành vi sai phạm, chính quyền có thể cắt dịch vụ vĩnh viễn (18).

Quy định đối với điện thoại công

Bên cạnh các quy định đối với lắp đặt và sử dụng điện thoại tư, chính quyền thực dân cũng đưa ra các quy định đối với sử dụng điện thoại công ở thuộc địa. Thời gian mở cửa làm việc của các bưu cục ở từng địa phương được quy định không thống nhất.

Bảng 3: Thời gian mở cửa của các bưu cục điện thoại ở một số tỉnh Bắc Kỳ (19)

Tỉnh	Thời gian	Chủ nhật và ngày lễ
Hà Nội	Từ 7 giờ sáng đến 22 giờ đêm	
Hải Phòng Nam Định	Từ 7 giờ sáng đến 22 giờ đêm	Từ 8 giờ đến 12 giờ trưa Từ 3 giờ chiều đến 6 giờ chiều
Hà Đông	Mùa hè: từ 7h sáng đến 10h30 và từ 15h đến 17h30. Mùa đông: từ 8h đến 11h và từ 14h đến 17h	Từ 7h đến 11h (mùa hè). Từ 8h đến 11h (mùa đông)
Hải Dương	Mùa hè: từ 7h đến 20h. Mùa đông: Từ 8h đến 20h	Mùa hè: Từ 7h -11h. Mùa đông: Từ 8h -11h
Đồ Sơn	Từ 7h -20h	Từ 8h - 12h Từ 15h - 18h
Quảng Yên	Mùa hè: 7h - 10h30 và từ 15h - 17h30. Mùa đông: từ 8h đến 11h và từ 14h - 17h.	Mùa hè: từ 7h đến 11h và từ 8h đến 11h (mùa đông)
Uông Bí	Mùa hè: Từ 7h đến 10h30 và từ 15h đến 17h30 Mùa đông: từ 8h -11h và từ 14h đến 17h	Mùa hè: 7h -11h. Mùa đông: 8h -11h
Mao Khê	Mùa hè: 7h - 10h30 và từ 15h - 17h30. Mùa đông: Từ 8h - 11h	Mùa hè: 7h-11h Mùa đông: 8h - 11
Vĩnh Yên	Mùa hè: 7h -10h30 và từ 15h-17h30 Mùa đông: 8h-11h và 14h - 17h	Mùa hè: 7h - 11h Mùa đông: 8h - 11h
Tam Đảo	Mùa hè: Từ tháng 3 đến tháng 10 mở cửa từ 7h đến 20h. Mùa đông: 8h - 11h	Mùa hè: 7h - 11 Mùa đông: 8h - 11h
Bắc Ninh	Mùa hè: 7h -10h30 và 15h - 17h30. Mùa đông: 8h -11h và 15h - 17h	Mùa hè: 7h-17h Mùa đông:8h - 11h.
Đáp Cầu	Mùa hè: 7h - 10h30 và 15h - 17h30. Mùa đông: 8h - 11h và từ 14h - 17h.	Mùa hè: 7h - 11h Mùa đông: 8h -11h

Giá cước cuộc gọi cũng được quy định không thống nhất giữa các cuộc gọi trong tỉnh (đô thị) và ngoài tỉnh (liên đô thị). Các quy định về thời gian mở cửa hoạt động phục vụ dân chúng của các bưu cục ở Bắc Kỳ như bảng 3.

Theo quy định, vào mùa đông, các bưu cục mở cửa làm việc bắt đầu từ ngày 1 tháng 11 năm trước đến hết tháng 2 năm sau và mùa hè từ ngày 1 tháng 3 đến hết ngày 31 tháng 10. Từ năm 1902, Bưu điện và Điện báo Đông Dương được chia thành 5 khu và đều chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc Bưu điện và Điện báo Đông Dương. Do đó, 5 khu này đều được áp dụng các quy định chung về điện thoại như cách thức lắp đặt, sử dụng, giá cước… Tuy nhiên, do đặc điểm khí hậu của từng vùng miền không giống nhau nên các quy định về thời gian mở cửa cũng không đồng nhất, mỗi khu lại được quy định phù hợp với từng điều kiện cụ thể, tùy vào ngày thường hay ngày nghỉ, ngày lễ. Điều đó cũng phụ thuộc một phần vào số lượng nhân sự làm việc trong các bưu cục đó, đa phần vào mùa hè quy định thời gian mở cửa từ 7h sáng và thời gian đóng cửa muộn nhất là 20h, mùa đông muộn hơn 1 giờ, tức là mở lúc 8h và đóng cửa muộn nhất lúc 22h đêm. Vào Chủ nhật và ngày lễ, thời gian quy định đóng mở cửa ở cả hai mùa về cơ bản giống nhau giữa các địa phương, đó là thường mở cửa lúc 7h và đóng cửa lúc 11h vào mùa hè và mở cửa lúc 8h và đóng cửa lúc 11h vào mùa đông.

Quy định giá cước điện thoại

Giá cước điện thoại quy định tại các tỉnh ở Bắc Kỳ không thống nhất. Cuộc gọi trong tỉnh được tính phí là 0,1 đồng/phút (20). Đối với cuộc gọi ngoài tỉnh, phí được tính như bảng 4.

Bảng 4: Giá cước điện thoại áp dụng đối với các cuộc gọi ngoại tỉnh ở Bắc Kỳ (21)

Gọi đi từ	Gọi đến	Phí (đồng/phút)
Hà Nội, Hà Đông, Nam Định	Hải Dương, Hải Phòng, Đồ Sơn, Quảng Yên, Uông Bí, Mao Khê	0,20
Hà Nội	Nam Định và ngược lại	0,20
Hà Nội	Hà Đông và ngược lại	0,10
Hà Nội, Hà Đông	Vĩnh Yên, Tam Đảo và ngược lại	0,20
Hà Nội Hà Đông	Quảng Yên, Uông Bí, Mao Khê, Hải Dương	0,20
Hải Phòng, Hải Dương, Mạo Khê, Uông Bí, Quảng Yên	Hải Phòng, Đồ Sơn và ngược lại	0,10
Hải Phòng, Hải Dương, Đồ Sơn, Quảng Yên, Uông Bí, Mạo Khê	Vĩnh Yên, Tam Đảo và ngược lại	0,35
Nam Định	Vĩnh Yên, Tam Đảo, Vĩnh Yên và ngược lại	0,30
Hải Dương	Đồ Sơn, Quảng Yên, Uông Bí, Mao Khê và ngược lại	0,20
Quảng Yên	Uông Bí, Mao Khê và ngược lại	0,20
Vĩnh Yên	Tam Đảo và từ Tam Đảo về Vĩnh Yên	0,10
Uông Bí	Mao Khê và ngược lại	0,20
Bắc Ninh	Hà Nội và ngược lại	0,20
	Hà Đông	
	Nam Định	
	Hải Dương	
	Hải Phòng, Đồ Sơn, Quảng Yên,Uông Bí, Mao Khê	
	Vĩnh Sơn, Tam Đảo	0,10
Đáp Cầu	Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Đông, Nam Định, Hải Phòng, Đồ Sơn, Quảng Yên, Vĩnh Yên, Tam Đảo	0,20

Các cuộc gọi trong phạm vi nội tỉnh nhìn chung đều được thống nhất giá cước ở mức 0,1 đồng/phút. Tuy nhiên, ở phạm vi ngoài tỉnh, giá cước áp dụng lại khác nhau phụ thuộc vào khoảng cách, ở vùng đồng bằng giá cước áp dụng về cơ bản thống nhất như Hà Nội đi Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng… đều áp mức giá 0,20 đồng/phút. Tuy nhiên, các cuộc gọi từ đồng bằng lên vùng cao và ngược lại, giá cước lại cao hơn, đặc biệt tuyến Hải Phòng, Hải Dương, Đồ Sơn, Quảng Yên, Uông Bí, Mạo Khê gọi đi Tam Đảo, áp dụng giá cước 0,35 đồng/phút. Đây là mức giá cao nhất do chi phí xây dựng, vận hành và quản lý mạng lưới điện thoại ở các vùng cao tốn kém và khó khăn hơn vùng đồng bằng.

Như vậy, Nghị định về việc thành lập và ban hành những quy định cụ thể đối với mạng lưới điện thoại công và điện thoại tư tại Bắc Kỳ đã được Ban Thường trực Hội đồng tối cao Đông Dương thông qua. Từ Nghị định này, các quy định về xây dựng, khai thác, thuê bao, giá cước… đối với thuê bao tư và giá cước, thời gian mở cửa... đối với thuê bao công đã được cụ thể hóa và điều chỉnh phù hợp với từng vùng, từng khu vực. Sau khi lắp đặt, thuê bao điện thoại tư được giao cho chủ thuê bao quản lý và phải chịu mọi trách nhiệm nếu có vấn đề gì phát sinh trong quá trình sử dụng, trừ việc bảo trì, sửa chữa. Đối với thuê bao công, chính quyền quản lý và thu lợi nhuận thông qua các bưu cục. Cả hai loại hình thuê bao này đều nhằm mục đích mang lại nguồn thu nhiều hơn cho thực dân Pháp.

4. Kết luận

Điện thoại là một loại hình liên lạc hoàn toàn mới được du nhập vào Việt Nam và là sản phẩm của văn minh phương Tây. Điện thoại được thiết lập đầu tiên ở Bắc Kỳ vào năm 1903. Điện thoại có vai trò quan trọng trong công cuộc xâm lược, bình định và khai thác thuộc địa nhằm đảm bảo thông tin liên lạc và củng cố vững chắc vị thế của Pháp tại thuộc địa. Chức năng và vai trò của điện thoại phụ thuộc vào từng giai đoạn khác nhau. Với mục tiêu tiến đánh và bình định Bắc Kỳ, thực dân Pháp đã coi liên lạc qua điện thoại có ý nghĩa quan trọng trong các hoạt động - quân sự, đặc biệt và kiểm soát các vùng lãnh thổ. Hà Nội là nơi đầu tiên điện thoại được lắp đặt nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị quân sự đó. Tuy nhiên, sau khi công cuộc bình định cơ bản đã hoàn thành, vai trò của điện thoại chuyển sang phục vụ mục đích khai thác thuộc địa và người dân cũng có thể lắp đặt và sử dụng dịch vụ này. Bởi vậy, mạng lưới điện thoại đã nhanh chóng phủ sóng không chỉ ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ bao gồm mạng lưới đô thị, liên đô thị, mà còn ở cả vùng miền núi với số lượng thuê bao, các cuộc gọi ngày càng tăng, tỷ lệ thuận với đó là mức doanh thu đạt được cũng tăng theo. Đặc biệt là những quy định cụ thể, rõ ràng của chính quyền thực dân đối với các trường hợp sử dụng, lắp đặt điện thoại tư nhân và giá cước, giờ mở cửa ở các bưu cục. Mặc dù, điện thoại chủ yếu và trước tiên ra đời nhằm phục vụ cho mục đích quân sự và các hoạt động trong bộ máy chính quyền thực dân, nhưng ở giai đoạn sau, người Việt Nam cũng có thể sử dụng dịch vụ này với giá cước nhiều lần điều chỉnh giảm nhằm tăng lưu lượng cuộc gọi. Điều đó vừa mang lại nguồn thu cho thực dân Pháp và ở một khía cạnh nào đó điện thoại đã đáp ứng được nhu cầu của người dân thuộc địa, mặc dù đó không phải là mục đích mà thực dân Pháp muốn hướng đến.

CHÚ THÍCH

(1). Philippe Devillers, *Người Pháp và người An Nam Bạn hay thù*, Nxb. Tổng hợp T.p Hồ Chí Minh, 2006, tr.577.

(2). "Một số máy điện thoại đã bắt đầu được lắp đặt từ năm 1894 ở miền Nam và từ năm 1903 ở miền Bắc". Theo Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, tập I: 1945-1954, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.32.

(3). J.de Galembert, *Les administrations et les services publics Indochinois*, 2 è édition, Hanoi, 1931, tr.503.

(4). RST - 035819*, Amelionrations à apporter aux service postaux, telegra et telephone au Tonkin,* Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(5). RST- 000292, *Rapport sur la situation et le fonctionnement du Service des Postes et des Telegraphes de l'Indochine*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(6). J.de Galembert, *Les administrations et les services publics Indochinois*, 2 è édition, Hanoi, 1931, tr.516.

(7). *Rapport sur la marche du service des postes et télégraphes au Tonkin du 1924 au 1929*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(8). RST-72256-01, *Remise à l'administration civile des lignes téléphoniques militaires de la haute région,* Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(9). La dépêche coloniale illustrée, 15 Avril 1906, N^0 7, tr.76.

(10). RST-72256-01, *Remise à l'administration civile des lignes téléphoniques militaires de la haute région,* Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(11). RST-36558-08*, Gouvernement général de l'Indochine, Rapport sur la marche du service des Postes et Télégraphes au Tonkin du 1er juillet 1924 au 30 juin 1925,* Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(12). Gouvernement général de l'Indochine*, Rapport au Conseil de Gouvernement*, année 1929.

(13). Gouvernement général de l'Indochine*, Rapport au Conseil de Gouvernement*, année 1927-1928.

(14). Gouvernement général de l'Indochine*, Rapport au Conseil de Gouvernement*, année 1929.

(15). $N^0$197-Arrêté créant un réseau téléphonique dans la ville de Hanoi, *Bulletin officiel de l'Indochine francaise,* N0 5, 1903, tr.440.

(16). $N^0$197-Arrêté créant un réseau téléphonique dans la ville de Hanoi, *Bulletin officiel de l'Indochine francaise,* N0 5, 1903, tr.439-443.

(17). Denis Cantin, *La poste en Indochine francaise de la fin du XIXe siècle à 1954*, mémoire de DEA, Université Aix-Marseille, sous la direction de Jean-Louis Mestre, 1997, tr.32.

(18). RST- 000672, Amelionrations à apporter aux service postaux au Tonkin, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(19). Trần Hữu Mậu, *Bưu điện thể lệ*, Nhà sách Khai trí, 1925, tr.25.

(20). René Despierres, *le service des P.T.T en Indochine*, Paris, 1944, tr.30.

(21). Nguyễn Trọng Cái, *Điện tín tổng lệ*, Imprimerie & Librairie, 1927, tr.28.